

Số: 12/HD-VKSTC

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2023

HƯỚNG DẪN

Kiểm sát việc xem xét, quyết định việc hoãn, miễn, tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của Tòa án nhân dân

Thực hiện Quyết định số 149/QĐ-VKSTC ngày 03/11/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tối cao về việc thực hiện nhiệm vụ kiểm sát việc xem xét, quyết định đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

VKSND tối cao hướng dẫn thực hiện nội dung kiểm sát việc xem xét, quyết định việc hoãn, miễn chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành thời gian còn lại trong quyết định đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây gọi là hoãn, miễn, tạm đình chỉ chấp hành) của Tòa án nhân dân theo quy định tại Pháp lệnh số 01/2022/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 24/3/2022 (sau đây gọi là Pháp lệnh số 01/2022) như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

- Thông qua công tác kiểm sát nhằm đảm bảo việc xem xét, quyết định việc hoãn, miễn, tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của Tòa án nhân dân đúng trình tự, thủ tục và có căn cứ đúng quy định tại Pháp lệnh số 01/2022 và văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Kịp thời phát hiện vi phạm của Tòa án, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc xem xét, quyết định việc hoãn, miễn, tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc để xử lý theo thẩm quyền.

2. Yêu cầu

- Yêu cầu VKSND có thẩm quyền phân công, bố trí đủ số lượng Kiểm sát viên, Kiểm tra viên thực hiện công tác kiểm sát việc xem xét, quyết định việc hoãn, miễn, tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của Tòa án nhân dân theo quy định tại Pháp lệnh số 01/2022.



- Yêu cầu tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa VKSND cấp trên và VKSND cấp dưới, giữa VKSND và Tòa án nhân dân, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để kịp thời phát hiện vi phạm, ban hành kiến nghị, kháng nghị theo đúng quy định.

II. Nội dung kiểm sát

1. Kiểm sát trình tự, thủ tục, thẩm quyền, căn cứ xem xét, quyết định

Để đảm bảo chất lượng công tác kiểm sát, Viện kiểm sát cần lưu ý thực hiện một số nội dung sau:

1.1. Kiểm sát về trình tự, thủ tục

Sau khi tiếp nhận thông báo của Tòa án về việc nhận được đơn, hồ sơ đề nghị hoãn, miễn, tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, Viện kiểm sát phải phân công ngay Kiểm sát viên, Kiểm tra viên vào sổ thụ lý, chủ động phối hợp với Tòa án cùng cấp sao chụp hồ sơ vụ việc để lập hồ sơ kiểm sát, phiếu kiểm sát.

Kiểm sát chặt chẽ việc Tòa án nhận, thụ lý đơn, hồ sơ đề nghị hoãn, miễn, tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và việc Tòa án thông báo cho cá nhân, cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Pháp lệnh số 01/2022, chú ý: (1) Thời hạn Tòa án thụ lý và phân công Thẩm phán xem xét, giải quyết, thời hạn thông báo; (2) Nội dung, hình thức thông báo và (3) Việc Tòa án thông báo cho cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 1 Điều 29, khoản 1 Điều 33.

1.2. Kiểm sát thẩm quyền đề nghị

Khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc, cần chú ý kiểm sát cá nhân, cơ quan có thẩm quyền đề nghị hoãn, miễn, tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo đúng quy định tại Điều 28, Điều 32. Trường hợp không đúng thẩm quyền đề nghị, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên báo cáo lãnh đạo Viện để ban hành văn bản tham gia ý kiến về vụ việc trước khi Tòa án ra quyết định theo quy định. Văn bản tham gia ý kiến phải phân tích rõ căn cứ, quan điểm của Viện kiểm sát về thẩm quyền đề nghị.

1.3. Kiểm sát căn cứ xem xét, quyết định

Kiểm sát viên, Kiểm tra viên phải kiểm sát chặt chẽ căn cứ hoãn, miễn, tạm đình chỉ chấp hành, đảm bảo kiểm sát việc thu thập tài liệu về điều kiện xem xét đúng quy định tại Điều 27, Điều 31; nghiên cứu kỹ hồ sơ, lưu ý kiểm sát chặt chẽ nguồn gốc, tính hợp pháp của tài liệu, văn bản trong hồ sơ.

Trường hợp tài liệu trong hồ sơ chưa thể hiện đầy đủ hoặc có vướng mắc, chưa rõ thì phối hợp hoặc chủ động yêu cầu cơ quan, tổ chức liên quan kịp thời bổ sung, làm rõ, đồng thời thông báo cho Tòa án nhân dân cùng cấp biết. Trường hợp không thỏa mãn với điều kiện hoãn, miễn, tạm đình chỉ chấp hành theo quy định thì Viện kiểm sát có ý kiến bằng văn bản trước khi Tòa án ra quyết định. Văn bản tham gia ý

kiến phải phân tích rõ căn cứ, quan điểm của Viện kiểm sát về điều kiện hoãn, miễn, tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Kiểm sát quyết định của Tòa án về việc hoãn, miễn, tạm đình chỉ

Khi kiểm sát quyết định của Tòa án về việc hoãn, miễn, tạm đình chỉ chấp hành, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên cần lập phiếu kiểm sát, chú ý kiểm sát chặt chẽ các nội dung theo quy định của Pháp lệnh số 01/2022, cụ thể như sau: (1) Thời hạn, thẩm quyền ban hành quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 33; (2) Nội dung, hình thức của quyết định theo quy định tại khoản 4 Điều 29, khoản 4 Điều 33; (3) Hiệu lực của quyết định và việc gửi quyết định theo quy định tại khoản 5 Điều 29, khoản 5 Điều 33.

3. Kiểm sát việc hủy bỏ quyết định hoãn, tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và quyết định buộc chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Đối với trường hợp Tòa án hủy bỏ quyết định hoãn, tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên lập phiếu kiểm sát, chú ý kiểm sát chặt chẽ các nội dung theo quy định của Pháp lệnh số 01/2022, cụ thể như sau: (1) Căn cứ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền, thời hạn xem xét hủy quyết định hoãn, tạm đình chỉ và buộc người đang được hoãn, tạm đình chỉ phải chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 30; khoản 1, khoản 2 Điều 34; (2) Hiệu lực của quyết định và việc gửi quyết định tại khoản 3 Điều 30, khoản 3 Điều 34; (3) Nội dung, hình thức của quyết định hủy quyết định hoãn, tạm đình chỉ và buộc chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại khoản 4 Điều 30, khoản 4 Điều 34.

4. Kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị đối với quyết định hoãn, miễn, tạm đình chỉ

VKSND cấp tỉnh có thẩm quyền tham gia phiên họp và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị đối với quyết định việc hoãn, miễn, tạm đình chỉ chấp hành đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của Tòa án cùng cấp. Khi nhận được thông báo của Tòa án về việc nhận được đơn khiếu nại, văn bản kiến nghị, kháng nghị, Viện kiểm sát cấp tỉnh phải phân công Kiểm sát viên, Kiểm tra viên theo dõi, vào sổ thụ lý và lập hồ sơ kiểm sát. Trường hợp phát hiện vi phạm của Tòa án thì Kiểm sát viên, Kiểm tra viên tổng hợp, báo cáo đề xuất lãnh đạo Viện thực hiện quyền kiến nghị theo quy định. Khi kiểm sát cần chú ý các nội dung sau:

4.1. Kiểm sát thông báo thụ lý: Kiểm sát chặt chẽ thẩm quyền thụ lý đơn khiếu nại, văn bản kiến nghị, kháng nghị và thời hạn gửi thông báo thụ lý theo quy định tại khoản 2 Điều 39.

4.2. Kiểm sát việc mở phiên họp: Khi nhận được thông báo của Tòa án về việc mở phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị, Kiểm sát viên,

Kiểm tra viên kiểm sát về thời hạn Tòa án gửi thông báo về việc mở phiên họp; thời hạn mở phiên họp theo quy định tại khoản 3 Điều 39.

4.3. Kiểm sát căn cứ khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị: Khi nghiên cứu hồ sơ, tài liệu, chứng cứ liên quan, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên kiểm sát chặt chẽ tính có căn cứ và hợp pháp của khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị theo quy định tại các điều 35, 36, 37 và 38.

4.4. VKS tham gia phiên họp xem xét, giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị

VKSND cấp huyện có kháng nghị phải gửi đầy đủ, đúng hạn tài liệu, chứng cứ làm rõ căn cứ kháng nghị, quan điểm kháng nghị đến VKSND cấp tỉnh để thực hiện công tác kiểm sát tại phiên họp. Ngoài ra, VKSND hai cấp phải tăng cường phối hợp trao đổi thông tin, tài liệu, hồ sơ liên quan (nếu có) trong trường hợp cá nhân, cơ quan, tổ chức khiếu nại, kiến nghị quyết định hoãn, miễn, tạm đình chỉ chấp hành.

Trước khi mở phiên họp, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên nghiên cứu kỹ hồ sơ, xây dựng báo cáo đề xuất kết quả nghiên cứu, xây dựng văn bản phát biểu ý kiến tại phiên họp.

Tại phiên họp, Kiểm sát viên kiểm sát tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của người tiến hành phiên họp, người tham gia phiên họp theo quy định của Pháp lệnh số 01/2022, về các nội dung: (1) Thành phần, tư cách pháp lý của người tiến hành phiên họp, người tham gia phiên họp; các trường hợp hoãn phiên họp; thay đổi người tiến hành phiên họp (nếu có) theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 39, điểm b khoản 3 Điều 40; (2) Việc tuân theo pháp luật về trình tự, thủ tục tiến hành phiên họp quy định tại Điều 40; (3) Trình bày, phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của Tòa án, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xem xét khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị. Lưu ý, đối với kháng nghị, cần phân tích làm rõ căn cứ kháng nghị, quan điểm kháng nghị của Viện kiểm sát, xuất trình bổ sung tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có). Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của Tòa án, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xem xét khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 40.

Sau khi kết thúc phiên họp, Kiểm sát viên phải báo cáo ngay kết quả phiên họp với lãnh đạo Viện theo đúng quy định.

4.5. Kiểm sát quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị

Sau khi nhận được quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị của Tòa án cùng cấp, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên lập phiếu kiểm sát, kiểm sát chặt chẽ theo quy định của Pháp lệnh số 01/2022, những nội dung sau: (1) Thẩm quyền giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 3; (2) Nội dung và hiệu lực của quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 42; (3) Thời hạn Tòa án gửi quyết định giải quyết

kiếu nại, kiến nghị, kháng nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 42; (4) Hình thức của quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

5. Việc Viện kiểm sát ban hành kiến nghị, kháng nghị


Trong quá trình kiểm sát nếu phát hiện vi phạm pháp luật của Tòa án hoặc cơ quan, tổ chức khác thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên báo cáo đề xuất lãnh đạo Viện ban hành kiến nghị, kháng nghị theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 35; khoản 2 Điều 36 Pháp lệnh số 01/2022 và Điều 5 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014.

III. Tổ chức thực hiện

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của mình, VKSND địa phương nghiêm túc thực hiện Hướng dẫn này, xây dựng kế hoạch, phân công Kiểm sát viên, Kiểm tra viên chủ động thực hiện nhiệm vụ kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xem xét, quyết định việc hoãn, miễn, tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của Tòa án nhân dân cùng cấp theo đúng quy định của pháp luật.

2. Định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả công tác kiểm sát việc xem xét, quyết định việc hoãn, miễn, tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của Tòa án nhân dân thành 01 mục riêng trong báo cáo hàng tháng, quý, sơ kết, năm theo quy định của Ngành (Kèm theo biểu mẫu số liệu).

3. Viện trưởng VKSND cấp tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm công tác kiểm sát việc xem xét, quyết định việc hoãn, miễn, tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của Tòa án nhân dân cùng cấp; chủ động tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa VKSND cấp trên và VKSND cấp dưới, giữa VKSND và Tòa án nhân dân, cá nhân, cơ quan tổ chức liên quan để kịp thời nắm bắt thông tin, ban hành kiến nghị, kháng nghị theo đúng quy định.

Nhận được Hướng dẫn này, yêu cầu VKSND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nghiên cứu, tổ chức thực hiện và tăng cường kiểm tra việc thực hiện đối với cấp dưới. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo bằng văn bản về VKSND tối cao (Vụ 8) để hướng dẫn, chỉ đạo./. 

Nơi nhận:

- VKSND 63 tỉnh, thành phố (để thực hiện);
- Viện trưởng VKSNDTC (để báo cáo);
- Các đồng chí Phó Viện trưởng VKSNDTC;
- Vụ 10, Vụ 12, VPTH- VKSNDTC (để phối hợp chỉ đạo);
- Vụ 14, Trường ĐHKH Hà Nội, Trường Đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm sát TP HCM (để biết);
- Lưu: VT, V8.



**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC**




Nguyễn Huy Tiến

**SỐ LIỆU KIỂM SÁT VIỆC HOÃN, MIỄN, TẠM ĐÌNH CHỈ CHẤP HÀNH QUYẾT
ĐỊNH ĐƯA NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY TỪ ĐỦ 12 TUỔI ĐẾN DƯỚI 18 TUỔI VÀO
CƠ SỞ CẢI NGHIỆM BẮT BUỘC CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN**
(Thời điểm từ ngày, tháng, năm ... đến ngày, tháng, năm)

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ			
			HOÃN	MIỄN	TAM ĐÌNH CHỈ	MIỄN PHẦN CÒN LẠI
CẤP HUYỆN						
1	1. Tổng số đề nghị					
2	2. Ý kiến của Viện kiểm sát Trong đó:					
3	2.1. Chấp nhận					
4	2.2. Không chấp nhận					
CẤP TỈNH						
5	3. Tổng số quyết định bị khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị được Tòa án thụ lý Trong đó:					
6	3.1. Khiếu nại					
7	3.2. Kiến nghị					
8	3.3. Kháng nghị					
9	4. Tổng số việc VKS tham gia phiên họp xét Trong đó:					
10	4.1. Chấp nhận khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị					
11	4.2. Không chấp nhận khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị					
12	5. Tòa án Quyết định Trong đó:					
13	5.1. Chấp nhận khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị					
14	5.2. Không chấp nhận khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị					